

B NG ã I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36VHDD1 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 20
(300,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122VH064100501 - Toán H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3605010053	36VHDD1	Hu n h Tu n Anh	15/09/1993					5.0	6.0	5.0	6.0	6.0	5.0	5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
2	3605010045	36VHDD1	Nguy n Ho ã B o	12/08/1997					7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
3	3605010085	36VHDD1	T ã ng Th ã nh Công	10/11/1990					5.0	4.0	5.0	5.0	5.0	5.0	4.8	2.4	5.0	2.5	4.9	
4	3605010036	36VHDD1	Tr ã ng V ã Nh Danh	13/08/1989					6.0	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.3	3.2	9.0	4.5	7.7	
5	3605010025	36VHDD1	Nguy n Ho ã ng Duy	23/10/1995					5.0	4.0	6.0	4.0	0.0	0.0	3.2	1.6	0.0	0.0	1.6	
6	3605010013	36VHDD1	T H ã ng Duy	03/05/1994					5.0	6.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	3.0	0.0	0.0	3.0	
7	3605010038	36VHDD1	Võ Anh Duy	29/10/1995					7.0	6.0	5.0	5.0	6.0	7.0	6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
8	3605010073	36VHDD1	Ph m Qu c D ã ng	21/05/1992					5.0	4.0	6.0	5.0	0.0	0.0	3.3	1.7	1.0	0.5	2.2	
9	3605010047	36VHDD1	Nguy n Minh ã o	16/01/1997					4.0	5.0	6.0	5.0	0.0	0.0	3.3	1.7	0.0	0.0	1.7	
10	3605010094	36VHDD1	Tr ã ng H i ã ã Ng	11/07/1997					6.0	5.0	5.0	5.0	0.0	0.0	3.5	1.8	0.0	0.0	1.8	
11	3605010061	36VHDD1	Nguy n L u ã u	15/10/1990					5.0	6.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.2	3.1	7.0	3.5	6.6	
12	3605010044	36VHDD1	Tr n V ã Nh B ° Hai	29/11/1996					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	3605010054	36VHDD1	Nguy n Ph c H i	21/02/1996					5.0	6.0	5.0	4.0	0.0	0.0	3.3	1.7	0.0	0.0	1.7	
14	3605010019	36VHDD1	Mai Hùng H u	12/05/1994					5.0	6.0	6.0	5.0	0.0	0.0	3.7	1.9	1.0	0.5	2.3	
15	3605010014	36VHDD1	L ã V ã Nh Hi n	13/12/1989					5.0	4.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
16	3605010121	36VHDD1	Nguy n V ã Nh Hi p	10/11/1994					4.0	5.0	6.0	5.0	5.0	5.0	5.0	2.5	2.0	1.0	3.5	
17	3605010006	36VHDD1	Ph m L² Hoàng	20/02/1990					5.0	6.0	5.0	5.0	5.0	6.0	5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
18	3605010083	36VHDD1	Nguy n Nam H ã ng	09/04/1995					5.0	6.0	5.0	6.0	0.0	0.0	3.7	1.9	0.0	0.0	1.8	
19	3605010016	36VHDD1	Nguy n Ph c Khanh	01/07/1995					6.0	7.0	6.0	6.0	7.0	7.0	6.5	3.3	7.0	3.5	6.8	
20	3605010088	36VHDD1	Ng» Quy n VIO Luân	08/05/1996					5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	5.3	2.7	1.0	0.5	3.2	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36VHDD1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 20
(300,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122VH064100501 - Toán H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3605010068	36VHDD1	Võ Anh Luân	02/01/1992					6.0	6.0	5.0	5.0	6.0	7.0	5.8	2.9	2.0	1.0	3.9	
22	3605010046	36VHDD1	Huỳnh T n L c	18/10/1989					7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.8	3.4	9.0	4.5	7.9	
23	3605010063	36VHDD1	Nguy n C»ng Nghi p	01/12/1993					7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
24	3605010060	36VHDD1	Tr n H u Ngh	14/09/1995					5.0	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.7	0.9	0.0	0.0	0.8	
25	3605010059	36VHDD1	Bùi Tá Ng c	09/02/1992					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3605010120	36VHDD1	Nguy n L ² Nhân	19/10/1994					5.0	6.0	5.0	5.0	0.0	0.0	3.5	1.8	3.0	1.5	3.3	
27	3605010039	36VHDD1	Huỳnh C»ng Quang	22/12/1984					7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
28	3605010033	36VHDD1	Tr n Minh Quân	29/03/1994					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	3605010028	36VHDD1	Lâm Hoài Sang	08/04/1997					5.0	6.0	5.0	6.0	0.0	0.0	3.7	1.9	0.0	0.0	1.8	
30	3605010092	36VHDD1	Lê Hoàng S n	12/12/1989					6.0	4.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.7	0.9	0.0	0.0	0.8	
31	3605010067	36VHDD1	Lê Minh Tú	14/09/1994					6.0	5.0	4.0	6.0	0.0	0.0	3.5	1.8	3.0	1.5	3.3	
32	3605010029	36VHDD1	Tr n Vấ T ng	07/07/1991					5.0	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.7	0.9	0.0	0.0	0.8	
33	3605010001	36VHDD1	Nguy n Vấ Thanh	00/00/1994					5.0	6.0	5.0	5.0	0.0	0.0	3.5	1.8	0.0	0.0	1.8	
34	3605010070	36VHDD1	Tr n ấ nh Thái	03/03/1995					6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
35	3605010075	36VHDD1	Tr n Quang Trí	21/05/1997					6.0	6.0	5.0	5.0	6.0	6.0	5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	
36	3605010064	36VHDD1	Tr n Qu c Trung	28/11/1997					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3605010058	36VHDD1	Nguy n C»ng Tr	10/06/1993					5.0	6.0	5.0	6.0	5.0	7.0	5.7	2.9	2.0	1.0	3.8	
38	3605010003	36VHDD1	ấ o ấ Th Vinh	25/01/1997					5.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.0	6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	

T ñg s : 38 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa